

LẠI ĐỨC THÁI TRƯỞNG CÔNG CHÚA SINH KHOÁNG KÝ

(Bài ký phần mộ xây dựng lúc còn sống
của Lại Đức Thái trưởng công chúa)⁽¹⁾

Người ta có thể thường còn cái tâm không chết mất thì lòng nhân không thể hơn cái dụng; thường ôm cái ý không sống thừa thì lòng nghĩa không thể hơn cái dụng. Các bậc sĩ phu hào kiệt ngày xưa sở dĩ vĩ đại hơn người là do giữ cái đạo lý ấy. Chị Mai Am ta là một công chúa hiền nhất trong thời đại này, cùng với Phò mã cầm sắt rất hài hòa, ngoài bốn đức [công dung ngôn hạnh] còn giỏi cả thơ ca, thật thịnh thay! Chẳng ngờ tuổi cao mất con, thật đau xót xiết bao. Vợ chồng không có chỗ nương về, theo lệ xin triều đình chi cấp tiền kho trong cung để tự xây dựng phần mộ khi còn sống. Bèn chọn đất tốt ở gò Long Thọ,⁽²⁾ dời chôn con ở một bên. Xong việc, nén niềm đau xót, mời anh em uống rượu mà cáo rằng: “Đây là nơi ta chôn con [hát và khóc], ngày sau sẽ là mộ ta. May mắn được anh Thương Sơn khắc

⁽¹⁾ Lại Đức Thái trưởng công chúa: tức Nguyễn Phúc Trinh Thận, sinh ngày 11 tháng Tám năm Bính Tuất (12/9/1826), tự là Thúc Khanh và Nữ Chi, hiệu là Diệu Liên và Mai Am, hoàng nữ thứ 25 của vua Minh Mạng, em của Tuy Lý Vương Miên Trinh, mẹ là bà Thục tần Nguyễn Khắc Thị Bửu. Thừa kế, cô cũng được nuôi dạy trong cung như chị và em; lớn lên ra ở Tiêu Viên lại được anh tận tình chỉ bảo, càng tiến bộ nhanh chóng, thường tham gia các hội thơ tại Ký Thưởng Viên, ứng tác tại chỗ, ai cũng khâm phục tài mẫn tiệp. Năm 1850, cô hạ giá lấy Thân Trọng Di (1825-1885). Năm Tân Hợi (1854), bà Thục tần qua đời. Năm Quý Hợi, mùng 9 tháng Chạp (17/1/1864), Trinh Thận sinh con trai Thân Trọng Mậu, tiểu tự Mộng Tùng. Cậu bé khôi ngô, mẫn tiệp, nhưng thể chất yếu đuối, ốm chết ngày 14 tháng Ba năm Mậu Thìn (6/4/1868). Đó là nỗi đau khắc sâu vào tim bà sau việc mừng vì *Diệu Liên thi tập* được khắc in lần đầu chưa lâu la gì! Bà khóc con với 15 bài thất ngôn tuyệt cú, mỗi chữ như một giọt lệ thương tâm. Từ đó, bà không sinh nở gì nữa. Cũng năm này bà được phong Lại Đức công chúa... Năm 1885, vua Hàm Nghi xuất bôn, ông Di khăn gói tìm theo dấu ngựa đạo rồi mất tích. Thế là Mai Am lại thêm một niềm đau không gì hàn gắn được. Khi xây nấm mồ không cho chồng, công chúa đã viết những dòng thơ đầm lệ, rồi về nhà chồng ở Nguyệt Biều, mang theo niềm đau ấy cho đến khi mất, ngày 16 tháng Mười Một năm Quý Mão (3/1/1904), có sách ghi bà mất sau đó 10 ngày, đây theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*; tên thụy Mỹ Thục, táng trong cùng một khuôn viên với chồng và con. Tác phẩm của Mai Am chỉ có một quyển thơ *Diệu Liên thi tập* 妙蓮詩集 gồm những bài làm trước khi về ở Nguyệt Biều, được Mạc Vân Sào khắc in năm 1867; sau ít lâu, các nhà nho hâm mộ thơ công chúa, đứng đầu là Bùi Ân Niên, lại bổ sung và khắc in năm 1890.

⁽²⁾ Gò Long Thọ tên nguyên thủy là Thọ Khương, nơi các chúa Nguyễn lập kho gạo (vì đất cao, khô ráo, tránh được lũ lụt). Đầu thế kỷ XIX, năm Gia Long thứ 6 (1807), triều đình ban các tên húy, trong đó có chữ “Khương” (hay “Khang”), miếu húy của thân phụ vua (Nguyễn Phúc Cồn là Hiếu Khương Hoàng Đế), nên tên gò phải đổi thành Thọ Xương và có bài ca dao: *Gió đưa cánh trúc la đà / Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương / Thuyền về xuôi mái sông Hương / Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay* ? Đến năm 1824, vua Minh Mạng lại đổi là Long Thọ. Gò Long Thọ (Long Thọ cương) là một ngọn đồi thấp phía hữu ngạn Sông Hương, gần đối diện với chùa Thiên Mụ, nay thuộc địa phận phường Thủy Biều, thành phố Huế.

bài minh trên bia. Nay đến chơi đây, các anh em sao không cho thơ văn để ta được đích thân trông thấy?”. Em trộm nghĩ tuy thế há chẳng có cái gọi là kẻ sĩ hào kiệt ngày xưa, cho nên có thể về cái lẽ sống chết biết rất rõ mà giảng rất rành. Tuy thuận theo sự thịnh suy mà ứng biến, nhưng tự mình giữ yên ổn không đến nỗi yếu đuối suy sụp vì đau xót, sắp đặt trước hậu sự, tự mình lo toan, chẳng phải là nhân ư? Đã làm rõ cái nghĩa vợ chồng chung huyết, lại thỏa được ý nguyện mẹ con cùng mồ, chẳng phải là nghĩa ư? Lấy việc đã qua mà thấy đức thành hạnh lập, ghi vào quốc sử để làm phép tắc cho đời sau, đâu phải chỉ kẻ lẽ ngợi khen một thời trong chốn anh em gia đình họ tộc mà thôi.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Khu tắm mộ nhà thơ nữ Mai Am Lại Đức công chúa ở làng Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy (nay phường Thủy Biều, thành phố Huế), tọa lạc tại nghĩa địa họ Thân, phía tây gò Long Thọ. Chung quanh la thành hình chữ nhật bao bọc, rộng 10,7m, dài 14,5m, dày 0,52m, mở một cửa chếch hướng nam cao 3,5m, cổng vòm cao 1,6m, rộng 1,1m. Phía trước là một bi đình cao lớn như cái cổng chính của các phủ đệ thế kỷ XIX, cao 3,5m, bình diện 3,4m x 2,2m; bên trong dựng tấm bia đá thanh khắc bài văn 楊春居正祀田碑記 *Dương Xuân Cư Chánh tự điển bi ký* do Tả tôn chính Tuy Lý Vương Miên Trinh soạn ngày tốt tháng Tám năm Thành Thái 6 (1894). Bia cao 189cm, rộng 57cm, dày 13,5cm, riêng trán cao 65cm, đặt trên đế dài 63cm, rộng 38cm, cao 22,5cm, hoa văn chạm hình thái cực và rồng phụng. Vào khỏi cửa, sau bình phong xếp hàng ba ngôi mộ. Mộ công chúa ở giữa, bia cao 42,5cm, ngang 28,5cm, dày 13,5cm, hoa văn chạm mặt trời, rồng phụng và cúc, đặt trên đế dài 63,5cm, rộng 37cm, cao 22cm, chữ khắc chân phương một dòng “賴德公主諡美淑之寢 *Lại Đức công chúa thụy Mỹ Thục chi tẩm*”. Mộ phò mã Thân Trọng Di bên phải, bia cao 53,5cm, ngang 33,7cm, dày 10,5cm, không chạm hoa văn, đặt trên đế dài 41,5cm, rộng 32cm, cao 13cm, mặt khắc chữ chân phương một dòng ở giữa “駙馬都慰申如府諡剛邁之墓 *Phò mã đô úy Thân Như Phủ thụy Cương Mại chi mộ*”, hai bên phụ chú ngày sinh ngày mất. Mộ Thân Trọng Mậu bên trái, có bi đình nhỏ, trong dựng tấm bia khắc chữ cả hai mặt, cao 61cm, ngang 41,5cm, dày 5cm, đặt trên đế dài 55cm, rộng 35cm, cao 8,5cm; bài văn mặt trước nhan đề 親男夢松哀題 *Thân nam Mộng Tùng ai đề*, do Tùng Thiện công soạn, gồm 19 dòng, dòng 36 chữ (dòng cuối 30 chữ), nội dung câu thương khóc cháu khối ngô mà bạc mệnh; mặt sau khắc câu đối văn của Thân Trọng Di, mỗi vế 13 chữ, và 15 bài thơ thất ngôn tuyệt cú khóc con của Mai Am, cộng 420 chữ...